

Số: /TB-UBND

Kim Thành, ngày tháng 01 năm 2022

THÔNG BÁO

**Thời gian dừng hoạt động và phương án hỗ trợ các hộ tiểu thương
kinh doanh khi thực dừng hoạt động chợ Giồng cũ, xã Cổ Dũng**

Thực hiện ý kiến chỉ kết luận của đồng chí Phó Chủ tịch UBND tỉnh Lưu Văn Bản tại cuộc họp UBND ngày 05/01/2022, công văn số 130/UBND-VP ngày 13/01/2022 của UBND tỉnh Hải Dương về việc giải quyết vướng mắc giải phóng mặt bằng chợ Giồng, xã Cổ Dũng, huyện Kim Thành và Kế hoạch số 39/KH-UBND ngày 11/01/2022 của UBND huyện Kim Thành về kế hoạch giải quyết các nhiệm vụ hành chính, đảm bảo an ninh trật tự, ổn định tình hình xã Cổ Dũng;

Căn cứ công văn số 53/STC-QLGCS ngày 06/01/2022 của Sở Tài chính về phương án hỗ trợ các hộ tiểu thương kinh doanh khi thực hiện đóng cửa chợ Giồng cũ, xã Cổ Dũng, huyện Kim Thành, UBND huyện Kim Thành thông báo thời gian dừng hoạt động chợ Giồng cũ và phương án hỗ trợ các hộ tiểu thương kinh doanh tại chợ Giồng cũ như sau:

1. Thời gian dừng hoạt động chợ Giồng cũ, xã Cổ Dũng kể từ ngày 16/02/2022 để thực hiện xây dựng khu văn hóa, thể thao xã Cổ Dũng tại khuôn viên chợ Giồng cũ theo quy hoạch được phê duyệt.

2. Phương án hỗ trợ các hộ tiểu thương từ ngân sách nhà nước

2.1. Các hộ kinh doanh cố định có hợp đồng thuê ki ốt tại chợ Giồng cũ với UBND xã và Ban quản lý chợ không đồng ý chuyển sang kinh doanh tại chợ Giồng mới (*các hộ kinh doanh tại vị trí khác hoặc thôi không kinh doanh*), bao gồm cả 28 hộ đã thanh lý hợp đồng với UBND xã nhưng chưa chuyển vào chợ Giồng mới, thống nhất phương án hỗ trợ, di chuyển và ổn định đời sống, cụ thể như sau:

- Trường hợp các hộ kinh doanh đã nộp thuế môn bài: Hỗ trợ theo mức đóng nộp theo bậc thuế môn bài, cụ thể: Các hộ nộp thuế môn bài bậc 1 hỗ trợ 12.000.000 đ/hộ; bậc 2 hỗ trợ 8.000.000 đ/hộ; bậc 3 hỗ trợ 7.000.000 đ/hộ; bậc 4 hỗ trợ 6.000.000 đ/hộ; bậc 5 hỗ trợ 5.000.000 đ/hộ; bậc 6 hỗ trợ 4.000.000 đ/hộ;

- Trường hợp các hộ kinh doanh không nộp thuế môn bài: Hỗ trợ bằng 70% mức hỗ trợ đối với hộ nộp thuế môn bài bậc 6, tương ứng là: 2.800.000 đ/hộ.

Tổng số hộ được hỗ trợ **103** hộ, bằng tổng số tiền là **296.800.000** đồng

(Danh sách hỗ trợ chi tiết từng hộ theo phụ lục số 01)

2.2. Đối với tài sản kinh doanh trong chợ Giồng cũ đầu tư, xây dựng, cải tạo, nâng cấp: Thực hiện bồi thường, hỗ trợ đối với tài sản trên đất theo quy định của pháp luật về bồi thường hỗ trợ khi nhà nước thu hồi khi xây dựng công trình Khu văn hoá thể thao xã Cổ Dũng.

Tổng kinh phí dự kiến hỗ trợ là **248.500.000** đồng (*theo phụ lục 02*), do không xác định cụ thể kinh phí đầu tư của từng hộ nên các hộ tự thỏa thuận và cử người đại diện nhận kinh phí hỗ trợ.

3. Cam kết của chủ đầu tư hỗ trợ khi các hộ tiểu thương chuyển sang kinh doanh tại chợ Giồng mới (*Chủ đầu tư có văn bản cam kết riêng*).

4. Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện hướng dẫn UBND xã Cổ Dũng tuyên truyền, thông báo thời gian dừng hoạt động, phương án hỗ trợ và thanh toán tiền hỗ trợ cho các tiểu thương kinh doanh tại chợ Giồng cũ, chủ động tham mưu cho UBND huyện nguồn kinh phí phục vụ việc chi trả tiền hỗ trợ cho các tiểu thương.

5. UBND xã Cổ Dũng xây dựng kế hoạch, phương án chi trả tiền hỗ trợ cho các tiểu thương, tổ chức thông báo, tuyên truyền, niêm yết công khai thời gian dừng hoạt động, phương án hỗ trợ cụ thể của từng hộ tiểu thương kinh doanh tại chợ Giồng cũ cho toàn thể nhân dân được biết, vận động các hộ tiểu thương chủ động di chuyển hàng hóa và các tài sản khác ra vị trí mới trước thời gian dừng hoạt động của chợ.

- Thời gian thông báo, niêm yết từ ngày 19/01/2022 đến hết ngày 24/01/2022.

- Thời gian chi trả tiền hỗ trợ cho các tiểu thương: 01 ngày, ngày 25/01/2022 tại UBND xã Cổ Dũng.

Trên đây là Thông báo của UBND huyện Kim Thành về thời gian dừng hoạt động và chính sách hỗ trợ các hộ tiểu thương khi dừng hoạt động chợ Giồng cũ, xã Cổ Dũng, yêu cầu UBND xã Cổ Dũng, Ban quản lý chợ, Chủ đầu tư chợ Giồng mới triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Lãnh đạo UBND huyện;
- UBND xã Cổ Dũng;
- Chủ đầu tư chợ Giồng mới;
- Lưu: TC-KH, VP.

CHỦ TỊCH

Phạm Quang Hưng

Phụ lục 01:**DANH SÁCH HỖ TRỢ CÁC HỘ TIỂU THƯỜNG
THUÊ KI ƠT TẠI CHỢ GIỒNG CŨ, XÃ CỎ DỪNG**

Số TT	Họ và tên	Quê quán	Hộ KD mới	Đề nghị hỗ trợ
	TỔNG CỘNG			296.800.000
1	VŨ THỊ LÁNH	Đội 6- Thôn Đông	Nguyễn Thị Oanh	7.000.000
2	BÙI ĐÌNH TUẤN	đội 3- Thôn Bắc	Bùi Đình Tuấn	7.000.000
3	NGUYỄN VĂN CẦN	Đội 7- Thôn Đông	Nguyễn Văn Cần	2.800.000
4	NGUYỄN THỊ NGẪM	Đội 3- Thôn Bắc	Nguyễn Thị Ngâm (Chuyên)	2.800.000
5	NGUYỄN THỊ NGHÊ	Đội 4- Thôn Giữa	Nguyễn Thị Nghê	2.800.000
6	NGUYỄN THỊ THU	Đội 2- Thôn Bắc	Nguyễn Thị Thu	2.800.000
7	NGUYỄN THỊ THEO	Đội 3- Thôn Bắc	Nguyễn Thị Theo	2.800.000
8	NGUYỄN THỊ BĂNG	Đội 6- Thôn Đông	Nguyễn Thị Huệ	2.800.000
9	NGUYỄN THỊ VÂN	Đội 2- Thôn Bắc	Nguyễn Thị Vân	2.800.000
10	NGUYỄN THỊ CHĂNG	Đội 2- Thôn Bắc	Nguyễn Thị Chăng	2.800.000
11	NGUYỄN THỊ HẢI	đội 3- Thôn Bắc	Nguyễn Thị Hải (Bom)	2.800.000
12	NGUYỄN NGỌC THANH	đội 3- Thôn Bắc		2.800.000
13	NGUYỄN THỊ RÀ	Đội 7- Thôn Đông	Nguyễn Thị Rà	2.800.000
14	NGUYỄN THỊ ĐU'A	Đội 4- Thôn Giữa	Nguyễn Thị Rà	2.800.000
15	NGUYỄN THỊ CHUYÊN	đội 3- Thôn Bắc	Nguyễn Thị Chuyên	2.800.000
16	NGUYỄN THỊ TÂM	đội 3- Thôn Bắc	Nguyễn Thị Diễm	2.800.000
17	NGUYỄN THỊ HUỆ (QUỲNH)	Đội 7- Thôn Đông	Trần Thị Huệ	2.800.000
18	NGUYỄN THỊ HOA	Đội 7- Thôn Đông	Nguyễn Thị Hoa	2.800.000
19	ĐỖ THỊ LANH	Đội 6- Thôn Đông	Nguyễn Thị Gấm	2.800.000

Số	Họ và tên	Quê quán	Hà Nội	Đề nghị hỗ
20	NGUYỄN THỊ PHÚ	đội 4- Thôn Giữa	Nguyễn Thị Thúy	2.800.000
21	TRẦN THỊ PHƯƠNG (bản)	Đội 6- Thôn Đông	Trần Thị Phương	2.800.000
22	TRẦN THỊ NHÂM (chi)	Đội 2- Thôn Bắc	Trần Thị Nhâm	2.800.000
23	VŨ THỊ DẦN	Đội 6- Thôn Đông	Vũ Thị DẦN	2.800.000
24	NGUYỄN THỊ HUẦN	Đội 4- Thôn Giữa	Nguyễn Thị Huần	2.800.000
25	VŨ THỊ CAN	Đội 5- Thôn Giữa	Vũ Thị Can	2.800.000
26	NGUYỄN DANH THẮNG	đội 3- Thôn Bắc	Nguyễn Danh Thắng	2.800.000
27	NGUYỄN THỊ LAN (Hồng)	đội 3- Thôn Bắc	Nguyễn Thị Lan	2.800.000
28	NGUYỄN THỊ ÁI	Đội 7- Thôn Đông	Nguyễn Thị Ái	2.800.000
29	NGUYỄN THỊ NHÂM	Đội 7- Thôn Đông	Nguyễn Thị Nhâm	2.800.000
30	NGUYỄN THỊ NHƯỜNG	Đội 2- Thôn Bắc		2.800.000
31	NGUYỄN THỊ KHUYÊN	Đội 4- Thôn Giữa	Nguyễn Thị Khuyên	2.800.000
32	NGUYỄN THỊ QUÊ- NÚI	đội 3- Thôn Bắc	Nguyễn Thị Quê	2.800.000
33	NGUYỄN NGỌC ĐẶT	Đội 2- Thôn Bắc		2.800.000
34	NGUYỄN THỊ MẶN	Đội 5- Thôn Giữa		2.800.000
35	NGUYỄN THỊ TUYẾT (ĐƠ)	Đội 2- Thôn Bắc	Nguyễn Thị Tuyết	2.800.000
36	NGUYỄN THỊ HỎI	Đội 2- Thôn Bắc	Nguyễn Thị Làn	2.800.000
37	NGUYỄN THỊ NHÀI	Đội 7- Thôn Đông	Nguyễn Thị Nhung	2.800.000
38	NGUYỄN THỊ MÀNG	Đội 2- Thôn Bắc	Nguyễn Thị Ba (Mì)	2.800.000
39	ĐẶNG THỊ PHÚ	Đội 7- Thôn Đông	Đặng Thị Phú	2.800.000
40	NGUYỄN THỊ HIỀN (SÁU)	Đội 5- Thôn Giữa	Nguyễn Thị Hiền	2.800.000
41	NGUYỄN THỊ CHỮ	Đội 3- Thôn Bắc		2.800.000
42	TRẦN THỊ LUYÊN	Đội 3- Thôn Bắc	Trần Thị Luyên	2.800.000

Số	Họ và tên	Quê quán	Hà Nội	Đề nghị hỗ
43	NGUYỄN THỊ DUNG	Đội 1- Thôn Bắc	Nguyễn Thị Dung	2.800.000
44	NGUYỄN THỊ TÁNH	Đội 5- Thôn Giữa		2.800.000
45	NGUYỄN THỊ THỊNH	Đội 4- Thôn Giữa	Nguyễn Thị Thịnh	2.800.000
46	NGUYỄN THỊ ĐĂNG	Đội 2- Thôn Bắc		2.800.000
47	NGUYỄN THỊ LAN (TÁC)	Đội 4- Thôn Giữa	Nguyễn Thị Quyên	2.800.000
48	NGUYỄN THỊ CÚC	Đội 6- Thôn Đông		2.800.000
49	NGUYỄN THỊ TƯƠI	đội 3- Thôn Bắc	Nguyễn Thị Tươi	2.800.000
50	NGUYỄN THỊ CÀN	Đội 3- Thôn Bắc		2.800.000
51	NINH THỊ HOA (CON Ô CHIẾN)	Đội 2- Thôn Bắc	Ninh Thị Hoa	2.800.000
52	NG THỊ QUÊ	Đội 2- Thôn Bắc	Nguyễn Thị Quê	2.800.000
53	NGUYỄN THỊ XOAN	đội 3- Thôn Bắc	Nguyễn Thị Xoan	2.800.000
54	NGUYỄN DANH DŨNG	Đội 2- Thôn Bắc	Nguyễn Danh Dũng (Luyện)	2.800.000
55	NGUYỄN NGỌC GIẢM	Đội 5- Thôn Giữa	Nguyễn Ngọc Giảm	2.800.000
56	NGUYỄN THỊ NĂM	Đội 7- Thôn Đông	Nguyễn Thị Năm	2.800.000
57	NGUYỄN THỊ LAN (KHOA)	Đội 1- Thôn Bắc	Nguyễn Thị Lan	2.800.000
58	NGUYỄN THỊ THÙY (THU)	đội 7- Thôn Đông	Lan (Hồng)	2.800.000
59	NGUYỄN KHẮC TÂN (Thom)	Đội 1- Thôn Bắc	Nguyễn Khắc Tân	2.800.000
60	NINH VĂN CHIẾN	Thượng Vũ	Ninh Văn Chiến	2.800.000
61	NGUYỄN THỊ THẨM	Đội 5- Thôn Giữa		2.800.000
62	HOÀNG THỊ TUYẾT (KIÊN)	Đội 6- Thôn Đông	Hoàng Thị Tuyết	2.800.000
63	NGUYỄN THỊ HIẾN (Hoàng Hiến 5)	Đội 1- Thôn Bắc	Hoàng Thị Hiến	2.800.000
64	NGUYỄN THỊ NHUNG (TÌNH)	Đội 1- Thôn Bắc	Nguyễn Thị Nhung	2.800.000

Số	Họ và tên	Quê quán	Hà Nội	Đề nghị hỗ
65	NGUYỄN THỊ MAI	Đội 1- Thôn Bắc	Nguyễn Thị Mai	2.800.000
66	NGUYỄN THỊ MAI	Đội 1- Thôn Bắc	Nguyễn Thị Mai	2.800.000
67	NGUYỄN THỊ CHINH	Đội 1- Thôn Bắc	Nguyễn Thị Chinh	2.800.000
68	NGUYỄN THỊ TẦN (MẠNH)	Đội 1- Thôn Bắc		2.800.000
69	NGUYỄN THỊ LAN	Đội 1- Thôn Bắc		2.800.000
70	NGUYỄN THỊ HẰNG (Trần Thị)	Đội 1- Thôn Bắc	Trần Thị Hằng	2.800.000
71	NGUYỄN THỊ TĂNG	Đội 4- Thôn giữa	Nguyễn Thị Tăng	2.800.000
72	NGUYỄN HỮU THU (VỊT)	Đội 7- Thôn Đông		2.800.000
73	NGUYỄN QUÍ NHÂN (Văn)	Đội 2- Thôn Bắc	Nguyễn Quý Nhân	2.800.000
74	NGUYỄN THỊ NGÀ	Đội 7- Thôn Đông	Nguyễn Thị Nga	2.800.000
75	BÙI THỊ THƯƠNG	Đội 4- Thôn giữa		2.800.000
76	NGUYỄN THỊ NHUẬN	Đội 4- Thôn giữa	Nguyễn Thị Nhuận	2.800.000
77	NGUYỄN THỊ MÀI	Đội 4- Thôn giữa	Nguyễn Thị Mài	2.800.000
78	NGUYỄN THỊ TỐT	Đội 7- Thôn Đông		2.800.000
79	NGUYỄN THỊ TƯƠI	đội 3- Thôn Bắc		2.800.000
80	NGUYỄN THỊ LẬP	Đội 2- Thôn Bắc		2.800.000
81	NGUYỄN THỊ THANH (XUẤN)	Đội 4- Thôn giữa	Nguyễn Thị Thanh	2.800.000
82	HOÀNG THỊ TUYẾN	Đội 2- Thôn Bắc	Hoàng Thị Tuyến	2.800.000
83	NGUYỄN THỊ HƯƠNG (À)	Đội 4- Thôn giữa		2.800.000
84	NGUYỄN THỊ TUYẾT	Thượng Vũ		2.800.000
85	NGUYỄN THỊ QUYÊN	Đội 7- Thôn Đông		2.800.000
86	NGUYỄN THỊ ĐỊNH (hải)	đội 3- Thôn Bắc		2.800.000
87	NGUYỄN THỊ THUYẾT- ÁNH	Đội 2- Thôn Bắc	Nguyễn Thị Thuyết	2.800.000

Số	Họ và tên	Quê quán	Hà Vn - 42	Đề nghị hỗ
88	NGUYỄN THỊ ĐÀO	đội 3- Thôn Bắc	Nguyễn Thị Phụng	2.800.000
89	VŨ BÁ HẪY (HOÀNG LÊ)	đội 3- Thôn Bắc	Nguyễn Thị Thương	2.800.000
90	NGUYỄN THỊ VÂN (Tự)	Đội 2- Thôn Bắc	Nguyễn Thị Vân	2.800.000
91	NGUYỄN THỊ VÂN (Tự)	Đội 2- Thôn Bắc	Nguyễn Thị Vân	2.800.000
92	NGUYỄN THỊ CHÚT	Đội 6- Thôn Đông	Nguyễn Thị Yến	2.800.000
93	NGUYỄN THỊ CHÚT	Đội 6- Thôn Đông	Nguyễn Thị Yến	2.800.000
94	NGUYỄN NGỌC KHỎI	đội 3- Thôn Bắc	Nguyễn Thị Huyền (Thúc)	2.800.000
95	BÙI ĐÌNH TÒA	Đội 6- Thôn Đông	Bùi Đình Tòa	2.800.000
96	NGUYỄN DANH NHUẬN	Đội 6- Thôn Đông	Nguyễn Danh Nhuận	2.800.000
97	NGUYỄN THỊ CHIỀU	đội 3- Thôn Bắc	Nguyễn Thị Chiều	2.800.000
98	NGUYỄN THỊ LIÊM (thanh)	đội 3- Thôn Bắc	Nguyễn Thị Liên	2.800.000
99	TRẦN THỊ LÀN	đội 3- Thôn Bắc	Trần Thị Làn	2.800.000
100	NGUYỄN KHẮC QUỠ	Đội 1- Thụn Bắc	Nguyễn Khắc Quỳ	2.800.000
101	VŨ NHO HẢI	đội 3- Thôn Bắc	Vũ Nho Hải	2.800.000
102	NGUYỄN THỊ MƯỜI	Đội 6- Thôn Đông		2.800.000
103	NGUYỄN THỊ HẠNH	Lai Vu - bán thú y	Nguyễn Thị Hạnh	2.800.000

Phụ lục 02:

DỰ KIẾN PHƯƠNG ÁN HỖ TRỢ
Tài sản trên đất để GPMB chợ Giồng cũ, xã Cổ Dũng

TT	Diễn giải các hạng mục	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đ)	Hệ số	Mức hỗ trợ (%)	Thành tiền (đ)
1	Bê tông nền M150, đá 2x4 (cải tạo sân); 1285m ² x 0,1 = 128,5m ³	m ³	128,50	1.477.896	0,977	20	37.108.343
2	Cửa cuốn; 2mx2.5m=5.0m2x23=115m ²	m ²	115,00	1.200.000	1,000	20	27.600.000
3	Lợp mái tôn lạnh, vỉ kèo + xà gồ thép	m ²	1250,00	604.571	0,977	20	147.666.467
4	Lợp mái tôn, xà gồ thép	m ²	630,00	293.458	0,977	20	36.125.267
	Tổng cộng						248.500.000